CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Mã số thuế: **0101074336**

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu - Phường Bách Khoa - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 02437550428 Email: codeco.mdc@gmail.com

Số tài khoản: 111000037499 NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 26 tháng 12 năm 2023

Mã của cơ quan thuế: **00ED6FB10C66A84991AFCA266A6E9E5937**

Ký hiệu: **1C23TMD**

Số: **93**

Họ và tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **TRUNG TÂM QUẢN LÝ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Địa chỉ: 360 Xa lộ Hà Nội - Phường Phước Long A - Thành phố Thủ Đức - TP Hồ Chí Minh.

Số tài khoản: 9527.2.1128805 Tại: Kho bạc nhà nước TP Hồ Chí Minh

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản **Mã số thuế:** **0315820983**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=4x5*
1	Thanh toán Hợp đồng số 248/2023/HĐ-TTQLĐB, ký ngày 03/08/2023 về việc: Tư vấn khảo sát xây dựng, dự án "Sửa chữa cầu Phú Định".	Gói thầu	1	429.949.265	429.949.265
			Cộng tiền hàng hoá, dịch vụ:		**429.949.265**
	Thuế suất GTGT: **8%**		**Tiền thuế GTGT:**		**34.395.941**
			Tổng tiền thanh toán:		**464.345.206**

Số tiền bằng chữ: **Bốn trăm sáu mươi tư triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm linh sáu đồng**

Người mua hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Ngày ký: 26/12/2023 15:49:26

Tra cứu hóa đơn tại website: https://tracuuhoadon.minvoice.vn/ Mã tra cứu: **C391F44CC224A2DB**

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICxoá số dư đky 2020E - Công ty TNHH Hóa đơn điện tử M-invoice - MST: 0106026495- SĐT : 0901 80 16 18)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 8 năm 2023

HỢP ĐỒNG

Tư vấn khảo sát xây dựng

Số: 248 /2023/HĐ-TTQLĐB

Gói thầu: **Tư vấn khảo sát thuộc công trình Sửa chữa cầu Phú Định**

GIỮA

TRUNG TÂM QUẢN LÝ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

VÀ

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

- Năm 2023 –

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT
PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH
PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG
PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG
Điều 1. Diễn giải
Điều 2. Loại hợp đồng
Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên
Điều 4. Trao đổi thông tin
Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng
Điều 6. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng
Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng
Điều 8. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng
Điều 9. Giá hợp đồng
Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư
Điều 13. Nhà thầu phụ (nếu có)
Điều 14. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn
Điều 15. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu
Điều 16. Bảo hiểm
Điều 17. Rủi ro và bất khả kháng
Điều 18. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng
Điều 19. Chấm dứt hợp đồng
Điều 20. Quyết toán và thanh lý hợp đồng
Điều 21. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn
Điều 22. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng
Điều 23. Tạm ứng và thanh toán
Điều 24. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp
Điều 25. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại
Điều 26. Điều khoản chung
PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG
Điều 1. Loại hợp đồng
Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng
Điều 3. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng
Điều 4. Giá hợp đồng
Điều 5. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng
Điều 6. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn
Điều 7. Chấm dứt hợp đồng
Điều 8. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Điều 9. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng
Điều 10. Tạm ứng và thanh toán
Điều 11. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp
Điều 12. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại
Điều 13. Điều khoản chung

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại Thành phố Thủ Đức – Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư:

Tên giao dịch: **TRUNG TÂM QUẢN LÝ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Đại diện: Ông **Nguyễn Xuân Vinh** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số 360 Xa lộ Hà Nội, phường Phước Long A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Tài khoản: 9527.2.1128805 tại Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0315820983

Điện thoại: 028.3728.2006 Fax: 028.3728.2005

Và bên kia là:

2. Nhà thầu:

Tên giao dịch: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT**

Đại diện: Ông **Trần Đình Kiên** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số 36, Ngõ 30, Phố Tạ Quang Bửu, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Tài khoản: 111 0000 37499 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank), chi nhánh Nam Thăng Long, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0101074336

Điện thoại: 024.3755.0428

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng tư vấn của gói thầu Tư vấn khảo sát thuộc công trình Sửa chữa cầu Phú Định như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính

phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 tháng 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 tháng 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 Chính Phủ Quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước, Thông tư số 108/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC và Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của UBND Tp. Hồ Chí Minh ban hành Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Trung tâm Quản lý hạ tầng giao thông đường bộ trực thuộc Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3425/QĐ-SGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Quản lý hạ tầng giao thông đường bộ trực thuộc Sở Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 439/QĐ-SGTVT ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Sở Giao thông vận tải TP.HCM phê duyệt kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông

đường bộ năm 2023 do Trung tâm Quản lý hạ tầng giao thông đường bộ quản lý (Điều chỉnh lần 1);

Căn cứ Quyết định số 133/QĐ-TTQLĐB ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Trung tâm Quản lý hạ tầng giao thông đường bộ về việc phê duyệt dự toán chi tiết năm 2023 (điều chỉnh lần 1);

Căn cứ Thông báo số 1140/TB -TTQLĐB ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Trung tâm Quản lý hạ tầng giao thông đường bộ về việc Giao nhiệm vụ quản lý các công trình sửa chữa theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP, công trình kiểm định cầu trên địa bàn Trung tâm Quản lý hạ tầng giao thông đường bộ quản lý cho Phòng Quản lý hạ tầng số 1, 2, 3, 4;

Căn cứ Quyết định số 332/QĐ-TTQLĐB ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Trung tâm Quản lý hạ tầng giao thông đường bộ Phê duyệt nhiệm vụ khảo sát xây dựng công trình Sửa chữa cầu Phú Định;

Căn cứ Quyết định số 346/QĐ-TTQLĐB ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Trung Tâm Quản lý hạ tầng giao thông đường bộ Phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị dự án bước lập BCKTKT công trình Sửa chữa cầu Phú Định;

Căn cứ Quyết định số 363/QĐ-TTQLĐB ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Trung tâm Quản lý hạ tầng giao thông đường bộ V/v Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình Sửa chữa cầu Phú Định;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 25 tháng 7 năm 2023 ký giữa Trung tâm quản lý hạ tầng giao thông đường bộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng mỏ - địa chất về thực hiện gói thầu Tư vấn khảo sát công trình Sửa chữa cầu Phú Định;

Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-TTQLĐB ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Trung tâm Quản lý hạ tầng giao thông đường bộ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Tư vấn khảo sát công trình Sửa chữa cầu Phú Định.

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là Trung tâm Quản lý hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Nhà thầu tư vấn là Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng mỏ - địa chất

3. Dự án là dự án Sửa chữa cầu Phú Định.

4. Công trình Sửa chữa cầu Phú Định.

5. Gói thầu là Tư vấn khảo sát.

6. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.

7. Đại diện Nhà thầu tư vấn là người được Nhà thầu tư vấn nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu tư vấn chỉ định và thay mặt Nhà thầu tư vấn điều hành công việc.

8. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu tư vấn để

trực tiếp thực hiện công việc.

9. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 3 [Hồ sơ hợp đồng tư vấn và thứ tự ưu tiên].

10. HSMT *(hoặc HSYC)* của Chủ đầu tư là toàn bộ tài liệu theo quy định tại Phụ lục số ... [HSMT *(hoặc HSYC)* của Chủ đầu tư].

11. HSDT *(hoặc HSĐX)* của Nhà thầu tư vấn là toàn bộ tài liệu theo quy định tại Phụ lục số ... [HSDT *(hoặc HSĐX)* của Nhà thầu tư vấn].

12. Đơn dự thầu là đề xuất của Nhà thầu tư vấn có ghi giá dự thầu để thực hiện công việc theo đúng các yêu cầu của HSMT *(hoặc HSYC)*.

13. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tư vấn tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

14. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

15. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

16. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: [Quy định tại **ĐKCT**].

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.

2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

a) Văn bản thông báo trúng thầu hoặc chỉ định thầu;

b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng hoặc Điều khoản tham chiếu đối với hợp đồng tư vấn xây dựng;

c) Điều kiện chung của hợp đồng;

d) HSMT hoặc HSYC của Chủ đầu tư;

đ) Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;

e) HSDT hoặc HSĐX của Nhà thầu tư vấn;

g) Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;

h) Các phụ lục của hợp đồng;

i) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông

báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

2. Ngôn ngữ của hợp đồng [Quy định tại **ĐKCT**].

Điều 6. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng

1. Nội dung và khối lượng công việc Nhà thầu tư vấn thực hiện đúng nhiệm vụ khảo sát được phê duyệt tại Quyết định số 332/QĐ-TTQLĐB ngày 13 tháng 6 năm 2023 và theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, các yêu cầu kỹ thuật, lập báo cáo kết quả khảo sát theo quy định hiện hành, bao gồm các công việc chủ yếu sau:

a) Lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

b) Thu thập và phân tích số liệu, tài liệu đã có.

c) Khảo sát hiện trường.

d) Xây dựng lưới khống chế, đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình.

đ) Đo vẽ hệ thống công trình kỹ thuật ngầm.

e) Lập lưới khống chế trắc địa các công trình dạng tuyến.

g) Đo vẽ thủy văn, địa chất công trình, địa chất thủy văn.

h) Khoan, lấy mẫu, thí nghiệm, xác định tính chất cơ lý, hóa học của đất, đá, nước.

i) Quan trắc khí tượng, thủy văn, địa chất, địa chất thủy văn.

k) Thực hiện đo vẽ hiện trạng công trình.

l) Xử lý số liệu và lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng.

m) Các công việc khảo sát xây dựng khác.

2. Nhà thầu tư vấn cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng bao gồm:

a) Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP .

b) Các bản đồ địa hình, bản đồ địa chất công trình, bản đồ địa chất thủy văn, bản vẽ hiện trạng công trình xây dựng, các mặt cắt địa hình, mặt cắt địa chất.

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được Nhà thầu tư vấn hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng: [Quy định tại **ĐKCT**].

Điều 8. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên.

2. Hồ sơ báo cáo kết quả khảo sát xây dựng.

3. Nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng được duyệt đối với tư vấn khảo sát xây dựng.

4. Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng.

Điều 9. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền: [Quy định tại **ĐKCT**].

b) Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 10 [Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng].

2. Nội dung của giá hợp đồng

a) Nội dung của giá hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng bao gồm: chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí chung, chi phí lán trại, chi phí lập phương án và báo cáo kết quả khảo sát, chi phí di chuyển lực lượng khảo sát, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

b) Giá hợp đồng tư vấn xây dựng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của Chủ đầu tư.
- Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn.
- Chi phí chưa tính trong giá hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng

Các trường hợp điều chỉnh giá hợp đồng, trình tự và thủ tục thực hiện: [Quy định tại **ĐKCT**]

2. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn

Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của hợp đồng tư vấn: [Quy định tại **ĐKCT**]

3. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn

- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.
- Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.
- Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

+ Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà

nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

+ Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

- Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng: [Quy định tại **ĐKCT**].

4. Điều chỉnh thuế giá trị gia tăng (VAT): Điều chỉnh theo các quy định hiện hành.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn

1. Quyền của Nhà thầu tư vấn:

a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).

b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).

đ) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng cùng Chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, giám sát tác giả, trả lời các nội dung có liên quan đến hồ sơ thiết kế theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

c) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

d) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu tư vấn trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản

được quy định trong hợp đồng thì Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm.

g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

h) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

i) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.

k) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

l) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng đối với tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi; ngày hoàn thành và bàn giao công trình đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng.

m) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

n) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

q) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

r) Nhà thầu phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho khối lượng hoàn thành theo đúng quy định và gửi một liên cho Chủ đầu tư. Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu không thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Quyền của Chủ đầu tư:

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của Nhà thầu tư vấn tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Nhà thầu tư vấn.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.

đ) Yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

a) Cung cấp cho Nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.

c) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Hướng dẫn Nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án và HSMT (hoặc HSYC); tạo điều kiện để Nhà thầu tư vấn được tiếp cận với công trình, thực địa.

e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu tư vấn.

g) Tạo điều kiện cho Nhà thầu tư vấn thực hiện công việc tư vấn xây dựng, thủ tục hải quan (nếu có).

h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Nhà thầu tư vấn nếu Chủ đầu tư cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 13. Nhà thầu phụ (nếu có)

1. Đối với nhà thầu phụ chưa có danh sách trong Hợp đồng, nhà thầu phải trình danh sách, hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ cũng như phạm vi công việc mà nhà thầu phụ sẽ đảm nhận để Chủ đầu tư xem xét chấp thuận bằng văn bản trước khi ký hợp đồng thầu phụ.

2. Nhà thầu tư vấn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư về chất lượng, tiến độ cũng như các sai sót của nhà thầu phụ.

3. Nhà thầu tư vấn cam kết với Chủ đầu tư rằng sẽ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản chi phí cho nhà thầu phụ được quy định trong trong hợp đồng thầu phụ.

Điều 14. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

1. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn và nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng.

2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong hồ sơ năng lực của nhà thầu đã được Chủ đầu tư thẩm định, thông qua. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu tư vấn phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng... ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu tư vấn thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông

báo cho Chủ đầu tư trong vòng **03 ngày** kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu tư vấn chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Nhà thầu tư vấn có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

5. Nhà thầu tư vấn tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu tư vấn không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 15. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Nhà thầu tư vấn sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép Nhà thầu tư vấn.

Nhà thầu tư vấn phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Nhà thầu tư vấn thực hiện và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 16. Bảo hiểm

Nhà thầu mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 17. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng trong tương lai. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự.

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Nhà thầu tư vấn phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Chủ đầu tư phải bồi thường những tổn hại cho Nhà thầu tư vấn đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a) Nếu Nhà thầu tư vấn bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu tư vấn sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Chủ đầu tư phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà thầu tư vấn.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

6. Chấm dứt và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có):

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu tư vấn, hoặc những thứ Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu tư vấn sẽ để cho Chủ đầu tư sử dụng.

Điều 18. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu tư vấn

a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu tư vấn phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu tư vấn phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 19. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau [Quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà thầu tư vấn. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

a) Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng [Quy định tại **ĐKCT**] mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.

b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 22 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc [Quy định tại **ĐKCT**] liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

c) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.

d) Nhà thầu tư vấn bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Nhà thầu tư vấn từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 24 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

g) Nhà thầu tư vấn cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.

h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 17 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các Nhà thầu tư vấn khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các Nhà thầu tư vấn này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là [Quy định tại **ĐKCT**] trong các trường hợp sau đây:

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian **30 ngày**.

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 24 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian [Quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 24 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian [Quy định tại **ĐKCT**].

đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 9 [Giá hợp đồng] và Điều 23 [Tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác,...).

Điều 20. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng

a) Việc quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP .

b) Trong thời gian: [Quy định tại **ĐKCT**], Nhà thầu tư vấn sẽ trình cho Chủ đầu tư 10 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

c) Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu tư vấn chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu tư vấn sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ

đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

d) Sau khi hợp đồng được quyết toán theo quy định, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho nhà thầu.

2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất sau khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 19 [Chấm dứt hợp đồng].

Điều 21. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do nhà thầu cung cấp, chủ đầu tư căn cứ vào hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng nhà thầu phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thoả thuận trong hợp đồng.

"Biên bản nghiệm thu khảo sát" được cấp theo từng giai đoạn tương ứng với các giai đoạn thanh toán.

Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng.

Điều 22. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Thời gian thực hiện hợp đồng: [Quy định tại **ĐKCT**]

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu tư vấn hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu tư vấn.

Điều 23. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: [Quy định tại **ĐKCT**].

2. Tiến độ thanh toán: [Quy định tại **ĐKCT**].

3. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo Phụ lục số... [Biên bản nghiệm thu khối lượng].

(Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng).

- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng theo Phụ lục số... [Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng].

- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu tư vấn bao gồm: Giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này theo Phụ lục số... [Đề nghị thanh toán].

4. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 24. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo

đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng [Quy định tại **ĐKCT**]. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải: [Quy định tại **ĐKCT**].

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Trọng tài *(hoặc Tòa án Nhân dân)* là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 25. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Phạt vi phạm hợp đồng

a) Phạt vi phạm về tiến độ hợp đồng:

- Trường hợp Nhà thầu giao nộp hồ sơ chậm 03 ngày so với tiến độ đã được quy định tại Điều 22 của hợp đồng này mà không có lý do chính đáng và không được Chủ đầu tư chấp nhận thì Nhà thầu sẽ bị phạt 2% giá trị hợp đồng;

- Nếu sau 03 ngày chậm đầu tiên mà Nhà thầu vẫn chưa giao đủ hồ sơ cho Chủ đầu tư thì cứ mỗi đợt chậm (03 ngày) tiếp theo, Nhà thầu sẽ bị phạt thêm 1% giá trị hợp đồng bị vi phạm cho đến khi mức phạt bằng 12% giá trị hợp đồng;

- Khi mức phạt bằng 12% giá trị hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Nhà thầu thực hiện chậm quá 30% thời gian đã thỏa thuận mà không có lý do chính đáng được Chủ đầu tư chấp thuận thì Chủ đầu tư có quyền hủy bỏ hợp đồng. Nhà thầu phải bồi thường cho Chủ đầu tư mọi chi phí thiệt hại của phía Chủ đầu tư (nếu có) trong việc hủy bỏ hợp đồng.

b) Phạt vi phạm về chất lượng hồ sơ:

- Trường hợp đã hết thời hạn giao nộp hồ sơ mà sản phẩm hợp đồng do Nhà thầu thực hiện không đáp ứng được yêu cầu về chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật

như đã quy định trong hợp đồng này, phải điều chỉnh nhiều lần thì từ lần điều chỉnh thứ 2 trở đi Nhà thầu sẽ bị phạt 3% giá trị hợp đồng cho mỗi lần điều chỉnh. Ngoài ra Nhà thầu vẫn bị phạt về chậm tiến độ như đã quy định tại khoản 25.1 nêu trên.

- Tổng giá trị tiền phạt (bao gồm cả phạt do chậm tiến độ và phạt do không đảm bảo chất lượng) không được vượt quá 12% giá trị hợp đồng. Nếu mức phạt vượt quá 12% giá trị hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ đơn phương chấm dứt hợp đồng.

2. Bồi thường thiệt hại:

Nhà thầu phải bồi thường bằng toàn bộ chi phí khắc phục thực tế và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư đối với các khiếu nại, hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan đến:

a) Tổn hại thân thể, ốm đau, bệnh tật hay chết của bất cứ người nào xảy ra do nguyên nhân của việc khảo sát.

b) Hư hỏng bất cứ tài sản nào mà những hư hỏng này:

Do các nguyên nhân gồm:

- Phát sinh do nguyên nhân của thiết kế;

- Được quy cho sự thiếu trách nhiệm, cố ý hoặc vi phạm hợp đồng bởi Nhà thầu, các nhân viên của Nhà thầu hoặc thầu phụ khảo sát hoặc bất cứ người trực tiếp hay gián tiếp do Nhà thầu thuê.

Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác của khối lượng, giá trị công việc, trường hợp có thất thoát xảy ra do tính toán sai khối lượng, giá trị công việc thì Nhà thầu làm sai có trách nhiệm đền bù cho Chủ đầu tư 100% kinh phí bị làm sai đó và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm [Quy định tại **ĐKCT**].

Số lượng trang, số lượng phụ lục, số bản được thành lập, ngôn ngữ hợp đồng, giá trị pháp lý, số bản Chủ đầu tư sẽ giữ, số bản Nhà thầu tư vấn sẽ giữ [quy định tại **ĐKCT**].

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Trọn gói.

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

2. Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 3. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được Nhà thầu tư vấn hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng là 10 bộ và 01 đĩa CD.

Điều 4. Giá hợp đồng

Giá hợp đồng được xác định với số tiền: **464.345.206 đồng** *(Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi bốn triệu, ba trăm bốn mươi lăm ngàn, hai trăm lẻ sáu đồng).*

Giá trị chính thức của hợp đồng là giá trị quyết toán được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Các trường hợp được điều chỉnh giá:

- Điều chỉnh tăng giá hợp đồng đối với những khối lượng công việc bổ sung hợp lý theo hợp đồng đã ký, cụ thể là những khối lượng công việc bổ sung nằm ngoài nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện.

- Điều chỉnh giảm giá hợp đồng đối với những khối lượng thay đổi giảm so với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng đã ký cụ thể là những công việc đã ký kết trong hợp đồng nhưng không thực hiện.

- Nếu có phát sinh khối lượng công việc bổ sung hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng đã ký: Các bên tham gia hợp đồng thống nhất giá công việc này trước khi thực hiện. Việc xác định chi phí thực hiện công việc này căn cứ theo Thông tư hướng dẫn về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Bộ Xây dựng, khi đó giá hợp đồng tư vấn được điều chỉnh bổ sung theo dự toán điều chỉnh chi phí khảo sát được phê duyệt (lần cuối) và tỷ lệ giảm giá theo kết quả chỉ định thầu.

- Trường hợp không có phát sinh khối lượng công việc bổ sung hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng đã ký: Nếu dự toán chi phí khảo sát được Sở Giao thông vận tải phê duyệt (lần đầu) tăng lên thì giá hợp đồng tư vấn khảo sát giữ nguyên theo giá hợp đồng đã ký kết.

- Khi dự toán chi phí khảo sát được Sở Giao thông vận tải phê duyệt giảm xuống thì chi phí khảo sát phải giảm xuống theo dự toán được phê duyệt và tỷ lệ giảm giá theo kết quả chỉ định thầu.

- Nếu giá trị khảo sát mà Chủ đầu tư đã thanh toán cho nhà thầu nhiều hơn số được phê duyệt thì nhà thầu có trách nhiệm hoàn trả lại phần giá trị chênh lệch cho Chủ đầu tư để hoàn Ngân sách.

2. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn:

- Điều chỉnh khối lượng công việc bổ sung hợp lý theo hợp đồng đã ký, cụ thể là những khối lượng công việc bổ sung nằm ngoài nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện.

- Điều chỉnh những khối lượng thay đổi giảm so với phạm vi công việc phải

thực hiện theo hợp đồng đã ký cụ thể là những công việc đã ký kết trong hợp đồng nhưng không thực hiện.

- Do nguyên nhân bất khả kháng quy định trong hợp đồng, bất khả kháng khác mà các bên không lường trước được khi ký hợp đồng, được người quyết định đầu tư chấp thuận.

3. Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng:

- Do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, địch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác.

- Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của bên giao thầu làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.

- Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của bên giao thầu gây ra.

Điều 6. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng là 02 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 7. Chấm dứt hợp đồng

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau **10 ngày**.

Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng **03 ngày**.

Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 22 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc **03 ngày** liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là **07 ngày**.

Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian **30 ngày**.

Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 24 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian **30 ngày** kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian **30 ngày.**

Điều 8. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành **01 lần** sau khi Nhà thầu tư vấn hoàn thành công tác khảo sát.

Điều 9. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Thời gian thực hiện hợp đồng được quy định trong Quyết định số 484/QĐ-TTQLĐB ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Trung tâm Quản lý hạ tầng giao thông đường bộ với tổng thời gian thực hiện là **45 ngày** bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực (Thời gian trên không bao gồm thời gian chờ tổ chức các cuộc họp, bảo vệ, thẩm định, thẩm tra, phê duyệt, giám sát tác giả và các trường hợp bất khả kháng).

2. Tiến độ chi tiết:

- Nhà thầu hoàn thành công tác khảo sát, báo cáo công tác khảo sát dự kiến thời gian trong vòng 35 ngày.

- Sau khi công trình xây dựng được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng, nhà thầu lập và nộp hồ sơ quyết toán dự kiến trong vòng 10 ngày.

Nhà thầu phải có biên bản giải trình lý do chậm tiến độ, có xác nhận của Chủ đầu tư, biên bản này là một bộ phận của hợp đồng, dùng phục vụ cho công tác thanh quyết toán hợp đồng sau này.

Điều 10. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: Trong quá trình thương thảo nhà thầu đề nghị không tạm ứng.

2. Tiến độ thanh toán

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu khi công trình này được bố trí kế hoạch vốn, được cơ quan cấp phát vốn chấp thuận và giá trị thanh toán không được vượt kế hoạch vốn được giao làm các đợt như sau:

Đợt 1: Sau khi Nhà thầu đã hoàn tất công tác khảo sát, Chủ đầu tư sẽ thanh toán 100% giá trị khối lượng khảo sát bước lập báo cáo kinh tế kỹ thuật căn cứ biên bản nghiệm thu công tác khảo sát, hồ sơ báo cáo kết quả khảo sát được Chủ đầu tư chấp thuận, cụ thể:

+ Chi phí khảo sát bước lập báo cáo kinh tế kỹ thuật thanh toán = Giá trị khảo sát hoàn thành được nghiệm thu x 100%.

Nhà thầu có trách nhiệm nộp 5% giá trị quyết toán hợp đồng vào tài khoản của chủ đầu tư mở tại ngân hàng để làm bảo đảm quyết toán.

Sau khi quyết toán công trình được cấp thẩm quyền phê duyệt, chủ đầu tư sẽ hoàn trả phần còn lại của bảo đảm chờ quyết toán cho nhà thầu.

Trường hợp bảo đảm chờ quyết toán thấp hơn phần giá trị gói thầu bị cắt giảm khi cấp thẩm quyền quyết toán hợp đồng, nhà thầu có trách nhiệm nộp bổ sung phần chênh lệch để chủ đầu tư nộp hoàn ngân sách nhà nước.

Khoảng thời gian Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn khi nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn là **07 ngày**.

Điều 11. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Thời gian để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại là **30 ngày**.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải là **60 ngày**.

Khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật hiện hành.

Giải quyết tranh chấp theo Quyết định của Trọng tài *(hoặc Tòa án Nhân dân)* là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

Điều 12. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Phạt vi phạm hợp đồng

Thời gian chậm tiến độ thực hiện hợp đồng là **03 ngày**.

Tỷ lệ phạt là **2%** giá trị hợp đồng; nếu sau 03 ngày chậm đầu tiên mà Nhà thầu vẫn chưa giao đủ hồ sơ cho Chủ đầu tư thì cứ mỗi đợt chậm (03 ngày) tiếp

theo, Nhà thầu sẽ bị phạt thêm **1%** giá trị hợp đồng bị vi phạm cho đến khi mức phạt bằng 12% giá trị hợp đồng.

Số tiền phạt tối đa bên nhận phải chịu là **12%** giá trị hợp đồng.

2. Bồi thường thiệt hại

Nhà thầu phải bồi thường bằng toàn bộ chi phí khắc phục thực tế và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư đối với các khiếu nại, hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan đến:

a) Tổn hại thân thể, ốm đau, bệnh tật hay chết của bất cứ người nào xảy ra do nguyên nhân của khảo sát.

b) Hư hỏng bất cứ tài sản nào mà những hư hỏng này:

Do các nguyên nhân bao gồm:

- Được quy cho sự thiếu trách nhiệm, cố ý hoặc vi phạm hợp đồng bởi Nhà thầu, các nhân viên của Nhà thầu hoặc thầu phụ khảo sát, hoặc bất cứ người trực tiếp hay gián tiếp do Nhà thầu thuê.

Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác của khối lượng, giá trị công việc, trường hợp có thất thoát xảy ra do tính toán sai khối lượng, giá trị công việc thì Nhà thầu làm sai có trách nhiệm đền bù cho Chủ đầu tư 100% kinh phí bị làm sai đó và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Điều khoản chung

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết.

Hợp đồng gồm 22 trang, được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, Chủ đầu tư sẽ giữ 06 bản, Nhà thầu tư vấn sẽ giữ 04 bản

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU **GIÁM ĐỐC**	**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ** **GIÁM ĐỐC**
M.S.D.N: 0101074336 - C.T.T.N.H.H CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT Q. HAI BÀ TRƯNG - T.P HÀ NỘI	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRUNG TÂM QUẢN LÝ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
Trần Đình Kiên	**Nguyễn Xuân Vinh**